TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển.

Bà Phạm Thị Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TN, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Võ Quốc K**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TN, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị B trình bày: Chị và anh Võ Quốc K kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh K không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Dù đã được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Từ đó tình cảm giữa chị với anh K không còn gắn bó, thương yêu nhau nên ly thân hơn 10 tháng. Nay chị nhận

thấy tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Thời gian chung sống có 01 con chung tên Võ Khả N, sinh năm 2005, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và cấp dưỡng không đặt ra. Quá trình chung sống chị và anh K không có tài sản và nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của anh Võ Quốc K đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Thấy rằng chị B và anh K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị B xác định nguyên nhân dẫn đến việc chị yêu cầu ly hôn là do anh K không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng ly thân hơn 10 tháng. Đối với anh K đã biết việc chị B khởi kiện xin ly hôn, nhưng anh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B. Điều này cho thấy mâu thuẫn chị B đặt ra là có cơ sở và anh K chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị B đặt ra.

Từ căn cứ trên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị B là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị B và anh K có 01 con chung tên Võ Khả N, sinh năm 2005 hiện do chị B nuôi dưỡng. Thấy rằng, cháu N trên 07 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần xem xét nguyện vọng của cháu. Tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu ngày 27/11/2017 thể hiện nguyện vọng của cháu được ở cùng với mẹ sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Do đó, Tòa án cần giao con cho chị B nuôi dưỡng là có căn cứ.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với anh K không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung như chị B trình bày. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B.

Cho chị Huỳnh Thị B được ly hôn với anh Võ Quốc K

- Về con chung: Giao cháu Võ Khả N, sinh năm 2005 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Võ Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình chị Huỳnh Thị B phải chịu 300.000 đồng, chị B dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009091 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên